

Số: 161/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Xét Tờ trình số 239/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số 928/BC-KTNS ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

(Chi tiết Phụ lục kèm theo Nghị quyết này)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn lập danh mục sự nghiệp công thuộc lĩnh vực mình quản lý, trình HĐND tỉnh thông qua, báo cáo các Bộ ngành quản lý đảm bảo theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVII kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn

PHỤ LỤC

Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực kinh tế và sự nghiệp khác của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 161/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh)



STT	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
I	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt
1	Điều tra quy hoạch lĩnh vực trồng trọt
2	Thông kê thuộc lĩnh vực trồng trọt
3	Thu thập, bảo quản mẫu chuẩn giống trồng trọt
4	Nhân giống, lưu giữ giống gốc, bảo tồn các cây đầu dòng đã được công nhận qua bình tuyển
5	Chuyên giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, thông tin tuyên truyền tập huấn kỹ thuật
6	Ứng dụng công nghệ viễn thám để đo diện tích và năng suất lúa
7	Nghiên cứu, dẫn nhập, khảo nghiệm, chọn lọc, phục tráng lai tạo các loại cây trồng
II	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi
1	Điều tra quy hoạch lĩnh vực chăn nuôi
2	Thông kê, thông tin thuộc lĩnh vực chăn nuôi
3	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, môi trường chăn nuôi
4	Đánh giá, giám sát chất lượng giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi và chế phẩm sinh học xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi
5	Lưu giữ giống gốc giống gia súc và gia cầm
6	Tổ chức thực hiện các dịch vụ kỹ thuật chăn nuôi theo quy định của pháp luật
III	Dịch vụ lĩnh vực bảo vệ thực vật
1	Điều tra lĩnh vực bảo vệ thực vật
2	Khảo nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định thuốc bảo vệ thực vật
3	Phân tích nguy cơ dịch hại đối với thực vật, sản phẩm thực vật nhập khẩu
4	Giám định sinh vật gây hại lạ, sinh vật là đối tượng kiểm dịch thực vật của Việt Nam
5	Kiểm định chỉ tiêu an toàn thực phẩm nguồn gốc thực vật nhập khẩu
6	Khảo sát nhằm đưa ra giải pháp phòng trừ sinh vật hại thực vật bảo vệ sản xuất
7	Đánh giá, xác định, dịch bệnh, sâu bệnh
8	Thông kê thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật
IV	Dịch vụ lĩnh vực thú y
1	Điều tra lĩnh vực Thú y
2	Chẩn đoán thú y, thẩm định an toàn dịch bệnh
3	Thông kê thuộc lĩnh vực thú y

11

STT	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
4	Đánh giá an toàn dịch bệnh
V	Dịch vụ lĩnh vực thủy sản
1	Điều tra, quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy sản
2	Thông tin, thống kê, dự báo và ứng dụng công nghệ thông tin thuộc lĩnh vực thủy sản
3	Hoạt động kiểm tra, xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm sử lý cải tạo môi trường ao nuôi, nuôi trồng thủy sản xuất nhập khẩu
4	Quan trắc và dự báo môi trường nuôi thủy sản
VI	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp
1	Thống kê, kiểm kê thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
2	Bảo tàng, bảo quản mẫu thuộc lĩnh vực lâm nghiệp
VII	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi, phòng chống thiên tai
1	Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp
2	Dự báo nguồn nước và xây dựng kế hoạch sử dụng nguồn nước, phục vụ chỉ đạo điều hành cấp nước cho sản xuất nông nghiệp các lưu vực sông và khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh
3	Thống kê, thông tin thuộc lĩnh vực thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn, phòng chống thiên tai
4	Xây dựng bản đồ thuộc lĩnh vực thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn, phòng chống thiên tai
5	Điều tra quy hoạch thuộc lĩnh vực thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn, phòng chống thiên tai
6	Duy tu, bảo dưỡng, bảo trì các công trình thủy lợi, đê điều, nước sạch nông thôn, phòng chống thiên tai
7	Thu thập số liệu, phân tích để dự báo, cảnh báo về rủi ro thiên tai
8	Hợp đồng tư vấn, cung cấp số liệu lượng mưa trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác phòng chống úng, chống hạn nội đồng
VIII	Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng
1	Điều tra, giám sát lĩnh vực quản lý chất lượng
2	Thanh tra, kiểm tra, thông tin tuyên truyền đào tạo tập huấn lĩnh vực quản lý chất lượng
IX	Dịch vụ khác
1	Thống kê các lĩnh vực trong ngành nông nghiệp
2	Hoạt động khuyến nông: Thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn; dự án, đề án, mô hình
3	Hoạt động xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, Ocop, làng nghề
4	Điều tra, quy hoạch các lĩnh vực phát triển nông thôn và chế biến
5	Điều tra, giám sát, đánh giá Bộ chỉ số về nước sạch và vệ sinh môi

STT	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
	trường nông thôn
6	Xây dựng Chương trình dự án thành phần về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
7	Thực hiện phân tích, xét nghiệm, kiểm nghiệm, kiểm định về chất lượng nước theo quy định của pháp luật
8	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục, vận động hướng dẫn nhân dân bảo vệ công trình cấp nước
9	Đào tạo tập huấn kỹ thuật chuyên môn nghiệp vụ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
10	Tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế, kỹ thuật, điều tra, thống kê về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
11	Thực hiện hợp tác quốc tế, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, công nghệ về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật
12	Quản lý, bảo vệ và khai thác công trình cấp nước nông thôn tập chung được giao
13	Thu thập, xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn